**Mẫu số 19. Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai**

|  |  |
| --- | --- |
| ................  (TÊN ĐƠN VỊ CHUYỂN THÔNG TIN) **--------------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ….../PCTT | *………., ngày ... tháng ... năm ..…...* |

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

Kính gửi:..................................

|  |
| --- |
| **I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC**  1.1. Mã số hồ sơ thủ tục hành chính(1) :…………………  1.2. Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (2): ………….. |
|
|
| **II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT** |
|
| 2.1. Tên (3):.....................................................................................................................  2.2. Địa chỉ (4)*………………………………………………………..…………..…………….*  2.3. Số điện thoại liên hệ:………………… Email (nếu có):……….......…..……..…  2.4. Mã số thuế (nếu có):………………………………………..…..…...……………  2.5. Giấy tờ pháp nhân/Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân (5): …………………..……….  2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính (6):.................................................... |
|
|
|
|
| **III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT** |
| ***3.1. Thông tin về đất***  3.1.1. Thửa đất số:…………...……..….….; Tờ bản đồ số: …….……………........  3.1.2. Địa chỉ tại (7): ..........................................................................  3.1.3. Giá đất  - Giá đất theo bảng giá (đối với trường hợp áp dụng giá đất theo bảng giá):..........m2  - Giá đất cụ thể: ..............m2  - Giá trúng đấu giá: ..............m2  - Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất: ………………………  3.1.4. Diện tích thửa đất:....................................m2  - Diện tích sử dụng chung: .....................................m2  - Diện tích sử dụng riêng: .........................................m2  - Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:...........................................m2  - Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.............................m2  - Diện tích đất trong hạn mức:......................................m2 |
|
|
|
|
|
|
|
|
|
|
|
|
|
| - Diện tích đất ngoài hạn mức:......................................m2  - Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:......................................m2  3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:.....................................................................................  3.1.6. Mục đích sử dụng đất (8):..................................................................................  Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích: ……………………………………  3.1.7. Thời hạn sử dụng đất:  - Ổn định lâu dài □  - Có thời hạn:……..…..năm. Từ ngày ……/……/……. đến ngày:……../….../.......  - Gia hạn...................... năm. Từ ngày ……/……/……. đến ngày:…..../…….../.........  3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:……../………..../……….....  3.1.9. Hình thức sử dụng đất(9):……………………  3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất(10):……………............................................... |
|
|
|
|
|
| ***3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất***  3.2.1. Loại nhà ở, công trình:……..…….; cấp hạng nhà ở, công trình:…………….  3.2.2. Diện tích xây dựng:………………………………………………………..m2  3.2.3. Diện tích sàn xây dựng/diện tích sử dụng :…………………………………m2  3.2.4. Diện tích sở hữu chung:…………m2; Diện tích sở hữu riêng:………..…..m2  3.2.5. Số tầng:………tầng; trong đó, số tầng nổi:……tầng, số tầng hầm:............tầng  3.2.6. Nguồn gốc:........................................................................................................  3.2.7. Năm hoàn thành xây dựng: ..............................................................................  3.2.8. Thời hạn sở hữu đến: ......................................................................................... |
|
|
|
|
|
|
|
|
| **IV. THÔNG TIN CỤ THỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THUÊ ĐẤT ĐỂ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM TRONG LÒNG ĐẤT, THUÊ ĐẤT CÓ MẶT NƯỚC** |
|
|
| 1. Đối với thuê đất để xây dựng công trình ngầm trong lòng đất (*không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất và không phải là đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm*):  - Diện tích đất:..................m2  - Giá đất tính tiền thuê đất: ............................  2. Đối với thuê đất có mặt nước:  - Diện tích đất:..................m2  - Diện tích mặt nước:..................m2  - Giá đất để tính tiền thuê đất của phần diện tích đất: ............................ |
|
|
|
|
|
|
|
|
| **V. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH** (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ) |
| - Tiền sử dụng đất:…...........................................................................  - Lệ phí trước bạ:…............................................................................. |
| **VI. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP (12)**  .....................................................................................................................................................  .....................................................................................................................................................  ................................................................................................................................... |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**HƯỚNG DẪN GHI MỘT SỐ THÔNG TIN TẠI PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN**

|  |
| --- |
| **Mục I.**  (1) Ghi Mã số hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.  (2) Ghi theo thời gian nhận đủ hồ sơ hợp lệ trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.  **Mục II.** Ghi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất. Trường hợp nhiều người cùng chung quyền sử dụng đất, cùng chung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì ghi thông tin một người đại diện và danh sách theo Mẫu số 19a.  (3) Cá nhân ghi họ tên, năm sinh;  Hộ gia đình ghi tên và năm sinh các thành viên hộ gia đình có chung quyền sử dụng đất; vợ chồng ghi họ tên, năm sinh của cả vợ và chồng; cộng đồng dân cư ghi tên của cộng đồng.  Tổ chức ghi tên theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư; cá nhân nước ngoài và người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch.  (4) Địa chỉ để gửi Thông báo nghĩa vụ tài chính và trong trường hợp cần thiết liên lạc đề nghị cung cấp hồ sơ bổ sung theo quy định.  (5) Ghi Quyết định thành lập hoặc Giấy phép đăng ký kinh doanh....đối với tổ chức; số hộ chiếu đối với cá nhân nước ngoài và người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài; số định danh đối với cá nhân trong nước.  (6) Ghi loại thủ tục như: Cấp Giấy chứng nhận lần đầu, chuyển nhượng, tặng cho, v.v…  **Mục III.**  **Điểm 3.1.** Ghi thông tin thửa đất. Trường hợp có nhiều thửa đất thì lập danh sách theo Mẫu số 19a.  (7) Ghi số nhà, tên đường, phố (nếu có); tên điểm dân cư (tổ dân phố, thôn, xóm, làng, ấp, bản, bon, buôn, phum, sóc, điểm dân cư tương tự) hoặc tên khu vực, xứ đồng (đối với thửa đất ngoài khu dân cư); tên đơn vị hành chính các cấp xã, tỉnh nơi có thửa đất.  (8) Mục đích sử dụng đất theo phân loại đất và là mục đích tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hoặc mục đích sau khi chuyển mục đích sử dụng đất.  (9) Ghi hình thức sử dụng đất như: Giao đất không thu tiền sử dụng đất/Giao đất có thu tiền sử dụng đất/Thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê/Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm; trường hợp chuyển hình thức sử dụng đất thì ghi hình thức sử dụng đất trước khi chuyển và sau khi chuyển.  (10) Ghi tên loại giấy tờ, số, ngày, tháng, năm và trích yếu của văn bản. Ví dụ: Quyết định giao đất số 15/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 về việc giao đất tái định cư v.v…  (11)[[1]](#footnote-1)[46]. Áp dụng đối với trường hợp tính tiền sử dụng đất/tiền thuê đất/tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa (nếu có) theo bảng giá đất tại mục 3.1.3;  (12)[[2]](#footnote-2)[47]. Hướng dẫn xác định “diện tích chuyển mục đích sử dụng đất” tại mục 3.1.4, như sau:  - Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định khoản 1 tại Điều 121 Luật Đất đai;  - Diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển sang mục đích khác (nếu có) theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 182 Luật Đất đai.  **Điểm 3.2**. Ghi thông tin về tài sản gắn liền với đất theo Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất. Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình thì lập danh sách theo Mẫu số 19a |

1. [46] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 6 của Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2025. [↑](#footnote-ref-1)
2. [47] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 6 của Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2025. [↑](#footnote-ref-2)